Mẫu số 1 *(Tạo bởi WMS)*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN **CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ** Mã hồ sơ:	ẢNH 4x6

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☑; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☑

Ngành: Thủy lợi; Chuyên ngành: Thủy văn - Thủy lực.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Hồ Việt Cường

2. Ngày tháng năm sinh: 8/9/1976. Nam ☑; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☑

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Vĩnh Giang - Huyện Vĩnh Linh - Tỉnh Quảng Trị.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ 202, Nhà CT3C-X2, Khu đô thị Bắc Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Phòng thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về động lực học Sông biển - Số 1 ngõ 165 phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 02436416699; Điện thoại di động: 0906219191;

Địa chỉ E-mail: hovietcuong@gmail.com

7. Quá trình công tác:

– Từ năm 08/1998 đến năm 06/2002: Nghiên cứu viên, Viện Cơ học Việt Nam, 264 Đội Cấn, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.

– Từ năm 07/2002 đến năm 09/2008: Nghiên cứu viên, Trung tâm Nghiên cứu Động lực sông, Viện Khoa học Thủy lợi , Số 1, ngõ 165, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội.

– Từ năm 09/2008 đến năm 09/2012: Phó giám đốc, Trung tâm Nghiên cứu Động lực sông, Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về ĐLH Sông biển, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Số 1, ngõ 165, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

– Từ năm 10/2012 đến năm 07/2019: Bí thư chị bộ, Giám đốc trung tâm, Trung tâm Nghiên cứu Động lực sông, Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về ĐLH Sông biển, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Số 1, ngõ 165, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Bí thư chi bộ, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Động Lực Sông; Chức vụ cao nhất đã qua: Bí thư chi bộ, Giám đốc Trung tâm.

Cơ quan công tác hiện nay (khoa, phòng, ban; trường, viện; thuộc Bộ): Trung tâm nghiên cứu Động Lực Sông, Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về động lực học sông biển; Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam; Bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Địa chỉ cơ quan: Số 1, ngõ 165, phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 02435637829.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học;: Trường Đại học Thủy lợi ; Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Thủy lợi

9. Học vị:

– Được cấp bằng ĐH ngày 25 tháng 06 năm 1998, ngành Khí tượng - Thủy văn - Hải Dương, chuyên ngành: Thủy văn

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên/334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội

– Được cấp bằng ĐH ngày 30 tháng 01 năm 2004, ngành Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Công nghệ thông tin

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Bách Khoa Hà Nội/1 Đại Cồ Việt, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội

– Được cấp bằng ĐH ngày 11 tháng 03 năm 2019, ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Đông Đô/Km25, Quốc lộ 6 - Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

– Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 09 năm 2008, ngành Thủy văn học, chuyên ngành: Thủy văn học

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Thủy lợi Hà Nội/Số 175 Tây Sơn, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội

– Được cấp bằng TS ngày 05 tháng 07 năm 2016, ngành Kỹ Thuật Xây dựng công trình thủy, chuyên ngành: Kỹ Thuật Xây dựng công trình thủy

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam/171 Tây Sơn, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS thời gian: Không có., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS cơ sở: Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hội đồng ngành Thủy lợi.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

1. Nghiên cứu diễn biến nguồn nước, chế độ thủy văn, thủy động lực, hình thái và chất lượng nước trên các lưu vực sông và vùng cửa sông ven biển.

2. Nghiên cứu các giải pháp khoa học công nghệ□ứng dụng trong lĩnh vực chỉnh trị sông và bờ biển.

3. Nghiên cứu sử dụng các cơ sở dữ liệu toàn cầu có độ phân giải cao như dữ liệu địa hình, thảm phủ, dữ liệu KTTV vệ tinh, dữ liệu tái phân tích□(reanalysis data) để mô phỏng, dự báo các quá trình thủy văn, dòng chảy trên lưu vực sông.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã công bố (số lượng) 36 bài báo KH trong nước, 7 bài báo KH trên tạp chí có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 3 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó có 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín.

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

Đề tài tiêu biểu						
TT	Tên chương trình/đề tài	Cấp quản lí	Là chủ nhiệm chương trình/đề tài	Thời gian	Ngày nhiệm thu	Kết quả
1	Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện hiện tượng nước đục ở vùng biển Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.	Nhà nước	Chủ nhiệm	01/2014 đến 10/2015	26/03/2016	Khá

2	Nghiên cứu lựa chọn công thức vận chuyển bùn cát phù hợp với sông Hồng và xác định quá trình lan truyền của sóng qua rừng ngập mặn ven biển từ Hải Phòng đến Thanh Hóa.	Bộ/Sở	Chủ nhiệm	03/2012 đến 12/2013	22/03/2013	Khá
3	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp tính toán khôi phục chuỗi số liệu dòng chảy cho lưu vực sông.	Bộ/Sở	Chủ nhiệm	06/2017 đến 12/2017	11/03/2018	Đạt

Bài báo khoa học tiêu biểu								
TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Loại công bố (chỉ số IF)	Tên tạp chí, kỉ yếu khoa học	Tập	Số	Trang	Năm xuất bản
1	Assessment of atmospheric conditions over the Hong Thai Binh river watershed by means of dynamically-downscaled ERA-20C reanalysis data	C. Ho; A. Nguyen; A. Ercan; M. L. Kavvas; V. Nguyen; T. Nguyen	ISI (KHTN-CN) (IF: ISI-Q2, ISSN 2040-2244; EISSN 2408-9354, Impact factor 5yr 1,01)	Journal of Water and Climate Change		Số JWC291		2018
2	Reconstruction and evaluation of changes in hydrologic conditions over a transboundary region by a regional climate model coupled with a physically-based hydrology model: Application to Thao river watershed.	C. Ho T. Trinh, A. Nguyen, Q. Nguyen, A. Ercan, M.L Kavvas	ISI (KHTN-CN) (IF: ISI-Q1, ISSN: 0048-9697, Impact factor 5yr 5,59)	Science of the Total Environment		Volume 668	768-779	2018

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

– Bằng khen Thủ tướng Chính phủ (Năm 2014), cấp Thủ tướng Chính phủ.

– Bằng khen Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Năm 2011), cấp Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

– Bằng khen Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Năm 2013), cấp Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

– Chiến sỹ thi đua Cấp Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Năm 2017), cấp Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Đối chiếu với tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, tôi tự đánh giá như sau:

- *Tiêu chuẩn đạo đức, tư tưởng:* Luôn tu dưỡng đạo đức, tư tưởng, rèn luyện và học tập để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ trong nghiên cứu và đào tạo.
- *Tiêu chuẩn đào tạo trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ:*

- Tốt nghiệp Đại học Khoa học Tự nhiên – ĐHQG Hà Nội; Chuyên ngành: Thủy văn;
- Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội; Chuyên ngành: Công nghệ thông tin;
- Tốt nghiệp Đại học Đông Đô; Chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh.
- Tốt nghiệp Thạc sỹ Đại học Thủy Lợi; Chuyên ngành: Thủy văn.
- Tốt nghiệp Tiến sĩ Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam; Chuyên ngành: Kỹ thuật Xây dựng Công trình thủy.

- *Năng lực sư phạm:* Chứng chỉ Nghiệp vụ Sư phạm - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp năm 2019.
- *Năng lực nghiên cứu:* Nghiên cứu viên chính (Quyết định bổ nhiệm nghiên cứu viên chính số 463/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT).
- *Ngoại ngữ:* Có trình độ Cử nhân ngoại ngữ (Bằng đại học Ngoại ngữ Tiếng Anh do Trường Đại học Đông Đô cấp năm 2019; Chứng chỉ Tiếng Anh B2 theo khung chuẩn Châu Âu do Trường Đại học Huế cấp năm 2014).
- *Tin học:* Có trình độ Kỹ sư Công nghệ thông tin (Bằng đại học Công nghệ Thông tin do Trường Đại học Bách khoa Hà Nội cấp năm 2004).
- Có năng lực chuyên môn sâu và kinh nghiệm thực tiễn liên quan đến chuyên ngành Thủy văn, thủy lực; Chỉnh trị sông, bờ biển.
- Đã tham gia công tác đào tạo đại học và sau đại học, có phương pháp dạy học hiệu quả được các cơ sở giáo dục tín nhiệm và đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 10 năm.

Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014	0	0	0	0	105	0	105
2	2014-2015	0	0	0	8	135	0	143.3
3	2015-2016	0	0	0	8	150	3	161.3
3 thâm niên cuối								
1	2016-2017	0	0	0	17	60	85	161.7
2	2017-2018	0	0	140	0	0	134	274
3	2018-2019	0	0	89	0	0	79	168

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

– Học ĐH ☐; Tại nước: từ năm:

– Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm:

– Thực tập dài hạn (> 2 năm) ☐; Tại nước:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☑ :

– Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại Học Đông Đô cấp Bằng cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh ; Số bằng: 1760311 ; Năm cấp: 2019

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐ :

– Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

– Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ): Bằng đại học Ngoại ngữ Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh B2 theo khung chuẩn Châu Âu (CEFR)

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng):

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ .....đến.....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Vũ Trung Hải		✓	✓		12/2017 đến 05/2018	Đại học Thủy lợi Hà Nội	2018
2	Phạm Thị Lan Hương		✓	✓		12/2017 đến 05/2018	Đại học Thủy lợi Hà Nội	2018
3	Hà Thị Nhật Quỳnh		✓	✓		12/2017 đến 05/2018	Đại học Thủy lợi Hà Nội	2018

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ Không có

*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ Không có

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS):

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện hiện tượng nước đục ở vùng biển Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.	Chủ nhiệm	Mã số KC.08.34/11-15, Nhà nước	01/2014 đến 10/2015	26/03/2016
2	Nghiên cứu lựa chọn công thức vận chuyển bùn cát phù hợp với sông Hồng và xác định quá trình lan truyền của sóng qua rừng ngập mặn ven biển từ Hải Phòng đến Thanh Hóa.	Chủ nhiệm	Không, Bộ/Sở	03/2012 đến 12/2013	22/03/2013
3	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp tính toán khôi phục chuỗi số liệu dòng chảy cho lưu vực sông.	Chủ nhiệm	Không, Bộ/Sở	06/2017 đến 12/2017	11/03/2018
4	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc khai thác cát đến chế độ dòng chảy, diễn biến lòng dẫn và đề xuất các giải pháp khoa học công nghệ phục vụ công tác quản lý, quy hoạch khai thác cát hợp lý trên hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình	Thư kí	Mã số ĐTĐL.2010-T/27, Nhà nước	01/2012 đến 12/2015	22/07/2016
5	Nghiên cứu các giải pháp khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả các công trình thủy lợi vùng ven biển Bắc Bộ	Thư kí	Chương trình Nông Thôn Mới, Nhà nước	06/2015 đến 12/2016	13/12/2017

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học đã công bố:

*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF) (*)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố

1	Phân tích ảnh hưởng của khai thác cát lòng sông đến mức độ hạ thấp mực nước mùa kiệt trên sông Hồng.	2	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 25	36-43	2015
2	Nghiên cứu lan truyền chất ô nhiễm trên mô hình toán 2 chiều vùng biển Đồ Sơn – Hải Phòng	2	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 25	77-85	2015
3	Nghiên cứu sự biến động về bùn cát trên các tuyến sông chính đổ vào vùng biển Đồ Sơn – Hải Phòng	2	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 26	84-94	2015
4	Nghiên cứu hướng lan truyền và phân bố độ đục ở vùng ven biển Đồ Sơn – Hải Phòng bằng phương pháp phân tích ảnh viễn thám	3	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	(IF: ISSN: 1859-4581)		/Số 21	72-79	2015
5	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp công trình nhằm giảm thiểu độ đục cho khu vực bãi tắm Đồ Sơn thành phố Hải Phòng.	3	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 29	97-107	2015
6	Sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám đa thời gian và phương pháp phân tích hồi quy đa biến trong việc ước lượng và phân bố trầm tích lơ lửng ven bờ khu vực ven biển từ Hải Phòng đến Nam Định.	3	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	(IF: ISSN: 0866-7705)		/Số 26	58-64	2015
7	Công thức gần đúng xác định tỷ lệ phân lưu dòng chảy cho đoạn sông phân lạch trên sông Cửu Long.	2	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 30	91-97	2015
8	Nghiên cứu mối quan hệ giữa các yếu tố thủy lực, bùn cát và hình thái lòng dẫn của đoạn sông phân lạch ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.	1	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường	(IF: ISSN 1859-3941)		/Số 46	137-143	2014
9	Nghiên cứu hiệu quả của nạo vét khai thác cát kết hợp với chỉnh trị lòng dẫn để ổn định đoạn sông phân lạch.	1	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 23	17-26	2014
10	Xây dựng công thức tính lượng vận chuyển bùn cát sông Hồng và quan hệ hình thái lòng sông giai đoạn 2009-2012	2	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 23	69-74	2014
11	Nghiên cứu nguyên nhân hình thành vụng xoáy và hiện tượng sạt lở bờ hữu sông Văn Úc khu vực từ K6 đến K10+500.	2	Tuyển tập Khoa học công nghệ 2009- 2014, kỷ niệm 55 năm thành lập Viện KHTLVN			II/	63-72	2014
12	Kiểm nghiệm và đánh giá sự phù hợp của các công thức tính toán vận chuyển bùn cát trong mô hình MIKE 11ST đối với sông Hồng.	3	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 15	53-63	2013

13	Kết quả nghiên cứu dự báo diễn biến lòng dẫn và chế độ thủy văn hạ du sông Lô – Gâm do ảnh hưởng của thủy điện Tuyên Quang.	3	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN: 1859-4255)		/Số 16	7-16	2013
14	Phân tích diễn biến sạt lở và xác định nguyên nhân gây biến động hình thái bờ biển Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	2	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN: 1859-4255)		/Số 16	119-126	2013
15	Phương pháp tính toán hành lang thoát lũ trên sông dựa trên việc tính toán các mặt cắt ngang thoát lũ	2	Tuyển tập KHCN giai đoạn 2008-2013 Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về Động lực học Sông biển	Khác		/	19-25	2013
16	Xác định nguyên nhân sạt lở và dự báo diễn biến lòng dẫn sông Cần Thơ khu vực cầu Trà Niền bằng mô hình Mike 21C.	2	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN: 1859-4255)		/Số 8	45-49	2012
17	Khả năng ứng dụng mô hình Mike 21C trong nghiên cứu chế độ thủy lực dòng chảy và dự báo diễn biến lòng dẫn ở những khu vực sông ảnh hưởng triều.	1	Tạp chí Tài Nguyên Nước	(IF: ISSN: 1859-3771)		/Số 2	10-19	2012
18	Nghiên cứu tác động của chế độ thủy động lực vùng ven bờ, ảnh hưởng đến diễn biến xói lở bờ biển Sầm Sơn.	2	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN: 1859-4255)		/Số 10	2-9	2012
19	Kết quả ứng dụng mô hình toán hai chiều MIKE 21C trong nghiên cứu dự báo diễn biến sông Hồng.	3	Tuyển tập KHCN 50 năm Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	(IF: ISBN: 63-630-608-02-09)		Tập 2/	34-43	2009
20	Xác định các tiêu chuẩn kỹ thuật khi nghiên cứu thiết lập hành lang thoát lũ cho một con sông.	2	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN: 1859-4255)		/Số 3	57-61	2007

*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF) (*)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
21	Assessment of hydro-climatological drought conditions for Hong-Thai Binh River Watershed in Vietnam using high-resolution model simulation	3	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering	(IF: VJSTE, ISSN: 2525-2461)		Vol.61/No.2	90-96	2019
22	Morphological changes in the red river delta, impacts and solutions	3	Proceedings International Conference on Asian and Pacific Coasts (APAC 2019)	Scopus (KHTN-CN) (IF: Scopus Index)		/		2019

23	Nghiên cứu diễn biến hạn hán trên lưu vực sông Hồng - Thái Bình bằng bộ dữ liệu khí tượng, thủy văn khôi phục từ mô hình kết hợp WEHY-WRF	4	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 52	48-64	2019
24	Đánh giá diễn biến bồi lắng hồ Yên Lập - Tỉnh Quảng Ninh.	1	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 54	41-49	2019
25	Đánh giá biến động thảm phủ và sử dụng đất khu vực Miền trung dựa vào thuật toán ước tính mật độ hạt nhân.	3	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 54	11-19	2019
26	Nghiên cứu đánh giá diễn biến ngập lụt hạ du hồ Đồng Mỏ khi xảy ra vỡ đập.	1	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 54	99-107	2019
27	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến chế độ dòng chảy lưu vực sông Hồng - Thái Bình	3	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	(IF: ISSN: 1859-4581)		/Số 15, Kỳ I		2019
28	Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đê điều tỉnh Bắc Ninh đảm bảo an toàn phòng, chống lũ và phát triển kinh tế xã hội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050	1	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 55		2019
29	Đánh giá diễn biến hạn hán và phân cấp độ yếu tố tác động đến hạn hán ở vùng đồng bằng sông Hồng – Thái Bình.	3	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 55		2019
30	Integrating global land-cover and soil datasets to update saturated hydraulic conductivity parameterization in hydrologic modeling	8	Science of the Total Environment	ISI (KHTN-CN) (IF: ISI-Q1, ISSN: 0048-9697, Impact factor 5yr 5,59)		/631-632	P279-288	2018
31	Assessment of atmospheric conditions over the Hong Thai Binh river watershed by means of dynamically-downscaled ERA-20C reanalysis data	6	Journal of Water and Climate Change	ISI (KHTN-CN) (IF: ISI-Q2, ISSN 2040-2244; EISSN 2408-9354, Impact factor 5yr 1,01)		/Số JWC291		2018
32	Reconstruction and evaluation of changes in hydrologic conditions over a transboundary region by a regional climate model coupled with a physically-based hydrology model: Application to Thao river watershed.	6	Science of the Total Environment	ISI (KHTN-CN) (IF: ISI-Q1, ISSN: 0048-9697, Impact factor 5yr 5,59)		/Volume 668	768-779	2018
33	Nghiên cứu diễn biến tài nguyên nước trên lưu vực và các tác động đến hạn hán, xâm nhập mặn ở vùng hạ du sông Hồng - Thái Bình	3	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	(IF: ISSN: 1859-4581)		/Số 7	123-133	2018

34	Nghiên cứu diễn biến xâm nhập mặn ở vùng hạ du đồng bằng sông Hồng - Thái Bình có xét tới tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.	4	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 48	115-128	2018
35	Tính toán và khôi phục chuỗi số liệu dòng chảy cho lưu vực sông Thao (bao gồm cả phần lãnh thổ Trung Quốc) bằng bộ mô hình khí tượng thủy văn kết hợp WEHY-WRF	3	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 41	90-100	2017
36	Satellite-based Monitoring of Behavior of Fine Sediment Discharge from The Rivers	5	Journal of Japan Society of Civil Engineers - JSCE, Ser.B2	(IF: ISSN: 1883-8944)		Vol72/No2	I_1753-I_1758	2016
37	Satellite based monitoring of turbidity around Hai Phong Bay, Vietnam	6	Journal of Japan Society of Civil Engineers (JSCE), Ser. B3	(IF: ISSN: 2185-4688)		Vol.72/No.2	I_772-I_777	2016
38	Đánh giá diễn biến độ đục, chất lượng nước ở vùng ven biển Đồ sơn – Hải phòng và những tác động của nước đục ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội.	2	Tạp chí Tài Nguyên Nước – Hội Thủy Lợi Việt Nam	(IF: ISSN: 1859-3771)		/Số 2	29-38	2016
39	Mô phỏng lan truyền độ đục theo mùa ở vùng ven biển Đồ Sơn - Hải Phòng và khu vực lân cận bằng mô hình toán 3 chiều	3	Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam	(IF: ISSN: 1859-4794)		Tập 6/Số 7	19-23	2016
40	Xác định nguyên nhân, cơ chế gây đục nước ở vùng ven biển Đồ Sơn – Hải Phòng và đề xuất giải pháp khắc phục.	1	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	(IF: ISSN: 1859-4581)		/Số 15	49-57	2016
41	Đánh giá hiện trạng về sự ổn định và hiệu quả của các giải pháp, công nghệ bảo vệ bờ sông, bờ biển ở Việt Nam	3	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 34	28-39	2016
42	Đánh giá tác động của các hồ chứa lớn thượng nguồn đến vận chuyển bùn cát ở hạ lưu sông Hồng – Thái Bình thuộc thành phố Hải Phòng	3	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường	(IF: ISSN: 1859-3941)		/Số 54	113-119	2016
43	Nghiên cứu và đánh giá hiệu quả của các giải pháp công trình nhằm làm giảm độ đục cho các bãi tắm biển Đồ Sơn trên mô hình vật lý trong bể sóng triều kết hợp.	4	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	(IF: ISSN:1859-4255)		/Số 31	71-85	2016

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

Chú thích: (*) gồm SCI, SCIE, ISI, Scopus (KHTN-CN); SSCI, A&HCI, ISI và Scopus (KHXH-NV); SCI nằm trong SCIE; SCIE nằm trong ISI; SSCI và A&HCI nằm trong ISI.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ Không có.

*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1	Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích số 1946: Giải pháp hạn chế tỉ lệ phân chia lưu lượng nước, bùn cát từ sông Luộc qua sông Mới chuyển vào sông Văn Úc, nhằm giảm độ đục cho vùng biển Đồ Sơn – Hải Phòng.	Cục Sở hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ	18/12/2018	3
2	Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích số 1947: Giải pháp ngăn cát, giảm sóng và hạn chế lan truyền độ đục từ các cửa sông chính trong khu vực nhằm giảm độ đục cho các bãi tắm biển Đồ Sơn – Hải Phòng.	Cục Sở hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ	18/12/2018	3
3	Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích số 1948: Phương pháp bảo vệ bờ sông Hồng tại hạ lưu bãi Tầm Xá – Hà Nội bằng cụm kè mỏ hàn cọc có phần hộ chân.	Cục Sở hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ	18/12/2018	8

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...):

*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ

Không có.

*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ

Không có.

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học:

Không có.

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS: ☐
- Giờ chuẩn giảng dạy: ☑
- Công trình khoa học đã công bố: ☐
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ: ☐
- Hướng dẫn NCS, ThS: ☐

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày..... tháng..... năm 201...

Người đăng ký

(Ghi rõ họ tên, ký tên)

D. XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NƠI ĐANG LÀM VIỆC

– Về những nội dung "Thông tin cá nhân" ứng viên đã kê khai.

– Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

..., ngày.....tháng.....năm 201...

Thủ trưởng cơ quan

(Ghi rõ họ tên, ký tên, đóng dấu)